

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Bản án số: 11/2024/DS-ST

Ngày: 26/3/2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phước Hòa.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Kim Thành.

2. Ông Nguyễn Văn Đồi.

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Hoàng Thị Mỹ Thương - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Trong ngày 26 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 232/2023/TLST - DS ngày 24 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 232/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 02 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2024/QĐST - HPT ngày 07 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà **Hoàng Thị H**, sinh năm 1970. Địa chỉ: **tổ D phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng**; Nơi ở hiện tại: **tổ G phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng** (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà **Trần Thị L**, sinh năm 1977 và ông **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1996. Cùng địa chỉ: **A H, tổ A T, quận S, thành phố Đà Nẵng** (đều vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* bà **Võ Thị C**, sinh năm 1964. Địa chỉ: **K T, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng** (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà **Hoàng Thị H** trình bày:

Tôi và bà **Trần Thị L** có mối quan hệ chị em chơi thân với nhau, nên tôi có cho bà **Trần Thị L** và con trai bà là **Nguyễn Văn Đ** mượn tiền cụ thể như sau : ngày 08/11/2022,

bà L và con trai Nguyễn Văn Đ, có nhờ tôi đứng ra mượn giúp cho hai mẹ con số tiền : 500.000.000 đồng để mua xe ô tô, vì là chỗ thâm tình nên tôi đã đứng ra mượn của bà Võ Thị C giúp số tiền trên, cho mẹ con bà L, có ký giấy mượn tiền ngày 08/11/2022. Tôi đã có thông báo ngày 21/7/2023, yêu cầu bà L và con trai là Đ trong thời gian 30 ngày phải thanh toán số tiền này cho tôi, nhưng đến nay bà L và con trai là Đ vẫn không chịu trả nợ cho tôi (có báo phát của bưu điện). Riêng của bà C, số tiền mượn tôi đã tự trả cho bà C vào ngày 21/7/2023, bà C đã có xác nhận. Sau khi mượn thì bà Trần Thị L và ông Nguyễn Văn Đ không trả tiền đúng hẹn, cư nại đủ lý do để kéo dài thời gian. Tôi đã nhiều lần đốc thúc việc trả nợ nhưng bà L và con trai vẫn không có thiện chí trả nợ lại cho tôi. Đến nay bà Trần Thị L và ông Nguyễn Văn Đ còn nợ tôi số tiền 500.000.000 đồng.

Vì vậy tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận Sơn Trà xem xét giải quyết buộc bà Trần Thị L và ông Nguyễn Văn Đ phải trả số tiền 500.000.000 đồng nói trên cho tôi theo quy định của pháp luật.

* Bị đơn là bà Trần Thị L mặc dù liên tục vắng mặt tại các phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải cũng như tại phiên toà nhưng tại bản tự khai ngày 30/10/2023 bà trình bày như sau:

Ngày 08.11.2022 tôi và con trai tôi là Nguyễn Văn Đ có nhờ chị Hoàng Thị H vay giúp của bà Võ Thị C số tiền 500.000.000 đồng để làm ăn, có thỏa thuận miệng là trong vòng 01 tháng sẽ trả (kể từ ngày vay), hai bên không thỏa thuận lãi suất. Sau khi vay tiền của bà C, bà H đã giao đủ số tiền 500.000.000 đồng cho mẹ con tôi. Do sự cố trong việc làm ăn nên tôi không trả được số tiền trên cho chị H để chị H trả lại cho bà C đúng hạn như đã hứa. Tôi được biết chị H đã tự bỏ tiền ra trả đủ cho bà C 500.000.000 đồng thay cho mẹ con tôi. Vì vậy, hai mẹ con tôi hiện nay không còn nợ bà C nữa mà tôi xác định số nợ này mẹ con tôi nợ của chị H. Nay chị H khởi kiện yêu cầu mẹ con tôi phải trả cho chị H số tiền 500.000.000 đồng nói trên thì tôi cũng đồng ý và nhận trách nhiệm đứng ra trả toàn bộ số tiền trên cho chị H và con tôi Nguyễn Văn Đ không có trách nhiệm trả cho chị H nữa. Tuy nhiên, hiện tại tôi đang gặp khó khăn về kinh tế nên tôi xin chị H cho tôi thêm thời gian đến ngày 01.01.2024 tôi sẽ trả hết số tiền trên cho chị H, tôi xin chị H không tính lãi.

* Ông Nguyễn Văn Đ cũng liên tục vắng mặt tại các phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải cũng như tại phiên toà, không cung cấp bản tự khai nhưng ông có ký vào bản tự khai ngày 30/10/2023 của bà Trần Thị L (là mẹ của ông) và ghi ý kiến là “Tôi không đồng ý với ý kiến của mẹ”. Ngoài ra, ông không trình bày gì thêm.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Võ Thị C cũng vắng mặt tại các phiên họp và tại phiên toà nhưng tại bản tự khai gửi cho Tòa án bà trình bày:

Ngày 08.11.2022 tôi có cho chị **Hoàng Thị H** mượn số tiền 500.000.000 đồng. Số tiền này chị **H** mượn giúp cho bà **Trần Thị L** và ông **Nguyễn Văn Đ**, hai bên có viết giấy vay mượn ký ngày 08.11.2022. Nay chị **H** đã trả đủ cho tôi số tiền 500.000.000 đồng, tôi không thắc mắc, khiếu nại gì cả. Còn việc chị **H** khởi kiện đòi tiền bà **L**, ông **Đ** thì đó là quan hệ giữa bà **H** với mẹ con bà **L**, tôi không liên quan nữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà **Hoàng Thị H** và bà **Trần Thị L**, ông **Nguyễn Văn Đ** thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bà **Trần Thị L**, ông **Nguyễn Văn Đ** (là bị đơn trong vụ án, không có yêu cầu phản tố) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà **Trần Thị L**, ông **Nguyễn Văn Đ**.

[2] Về nội dung:

HĐXX xét thấy, trong quá trình hoà giải và tại phiên toà bị đơn là bà **Trần Thị L** và ông **Nguyễn Văn Đ** đều vắng mặt nhưng tại bản tự khai ngày 30/10/2023 bà **Trần Thị L** thừa nhận vào ngày 08.11.2022 bà và ông **Nguyễn Văn Đ** có nhờ bà **Hoàng Thị H** vay giúp của bà **Võ Thị C** số tiền 500.000.000 đồng cho hai mẹ con bà. Hai bên có thỏa thuận miệng là trong vòng 01 tháng sẽ trả (kể từ ngày vay), hai bên không thỏa thuận lãi suất. Do sự cố trong việc lẫn nên bà và ông **Đ** không trả được số tiền trên cho bà **H** để bà **H** trả lại cho bà **C** đúng hạn như đã hứa. Bà cũng thừa nhận bà **H** đã tự bỏ tiền ra trả đủ cho bà **C** 500.000.000 đồng. Vì vậy, hai mẹ con bà hiện nay không còn nợ bà **C** nữa, bà xác định số nợ này hai mẹ con bà nợ của bà **H**. Nay bà **H** khởi kiện yêu cầu mẹ con bà phải trả cho bà **H** số tiền 500.000.000 đồng nói trên thì bà cũng đồng ý. Đối với ông **Nguyễn Văn Đ** mặc dù ông có ký vào bản tự khai ngày 30/10/2023 của bà **Trần Thị L** (là mẹ của ông) và ghi ý kiến là “Tôi không đồng ý với ý kiến của mẹ”. Tuy nhiên, lời trình bày trên của bà **Trần Thị L** hoàn toàn phù hợp với lời trình bày của bà **Hoàng Thị H** và bà **Võ Thị C**, phù hợp với nội dung tại Giấy mượn tiền do chính bà **Trần Thị L** và ông **Nguyễn Văn Đ** lập ngày 08.11.2022. Việc bà **Trần Thị L** và ông **Nguyễn Văn Đ** không trả tiền cho bà **H** trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày vay như đã

cam kết (bà L thừa nhận thỏa thuận bằng miệng) đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng. Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị L và ông Nguyễn Văn Đ phải trả cho bà số tiền 500.000.000 đồng nói trên là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự nên chấp nhận.

Về lãi suất, do bà Hoàng Thị H không yêu cầu tính lãi nên HĐXX không đề cập giải quyết.

- Việc bà Trần Thị L nhận trách nhiệm đứng ra trả toàn bộ số tiền trên cho bà H thay cho ông Nguyễn Văn Đ, bà H không đồng ý nên HĐXX không có cơ sở chấp nhận.

- Đối quan hệ vay mượn tiền giữa bà Hoàng Thị H và bà Võ Thị C, bà C cũng xác định bà H đã trả đủ 500.000.000 đồng cho bà, bà không có yêu cầu gì đối với bà H nữa nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của bà Hoàng Thị H được chấp nhận nên bà Trần Thị L và ông Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Cụ thể số tiền án phí dân sự sơ thẩm bà Trần Thị L và ông Nguyễn Văn Đ phải chịu là 24.000.000 đồng.

Hoàn trả cho bà Hoàng Thị H 12.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002122 ngày 24.10.2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” của bà Hoàng Thị H đối với bà Trần Thị L và ông Nguyễn Văn Đ.

Xử:

1. Buộc bà Trần Thị L và ông Nguyễn Văn Đ phải trả cho bà Hoàng Thị H số tiền 500.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản

tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: bà **Trần Thị L** và ông **Nguyễn Văn Đ** phải chịu là 24.000.000 đồng. Hoàn trả cho bà **Hoàng Thị H** 12.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002122 ngày 24.10.2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà;
- Chi cục thi hành án dân sự quận Sơn Trà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Phước Hòa

